

# PHẬT TỔ THỐNG KÝ

## QUYỂN 50

### PHẦN 2

#### *1. Nhân Vương Kinh Bát-nhã Kinh Sơ Tự - Cửa Đãi Chế Triều Thuyết Chi.*

Khoảng đời Trần Tùy, ngài Thiên Thai Trí Giả nổi xa Tổ Long Thọ mà lập ra một Đại Giáo, truyền chín đời thì đến ngài Kinh Khê. Đời ngài Kinh Khê có người nước Tân La đến học là Pháp Dung, Lý Ứng, Thuần Anh. Cho nên Giáo này truyền ra các nước ở hải ngoại cũng được thành hành như ở Trung nguyên. Đời Đường tán loạn sách vở bị mất mát tản lạc. Tuy Giáo này là loại không thể mất nhưng cũng khó còn. Song vắng dương sắp mọc tất bình minh rạng trước nên các Chân nhân ứng vận mà văn sáng hiển hiện. Vào đầu đời Tống ta Giáo này được thuyền biển đưa vào Ngô Việt. Nay Tam Đại Bộ truyền ở đời chính nhờ đó. Song có một số bản Kinh còn lưu giữ nhưng không đưa đến, có một số đưa đến thì lại không phải thứ thật. Nhân Vương Kinh Sơ đến trước đây có hai bản nhưng xét thấy đều là ngụy tạo. Khi xưa ngài Pháp Trí đã được Tín Thiên sư người Nhật Bản hiến tặng bộ rìa của một Bích-chi-phật và ngài đã giải đáp thư hỏi hai mươi điều. Ngài bèn nhờ tìm cho Bộ Nhân Vương Kinh sơ. Tín Sư bèn tìm trao cho những người đi thuyền buôn đem về. Bỗng giữa đường có bão lớn sóng to kinh khiếp, người trên thuyền khẩn cầu mãi rồi đoán ý Long Thần bèn ném quyển kinh này xuống biển để cầu bình an. Sau đó ngài Pháp Trí tìm được hai vị Tăng nhờ dai sai Sứ đến Tín Thiên sư đọc thuộc văn rồi đem về. Nhưng cả hai vị Tăng này lại qua đời ở Nhật Bản. Đến đầu năm Nguyên Phong các nhà buôn trên biển mới đem về bản Sơ này gồm hai quyển. Ở Tứ Minh có Sa-môn Như Tuân có nhân duyên được bản này... Ngài Trí Giả đem lòng từ thắm toàn Pháp tánh ra làm Chỉ Quán để giữ Đạo gốc của Đức Thích-ca, nay chỉ mới hưng thịnh ở Việt Trung. Một ngày nào đó sẽ khắp cùng thiên hạ há sách này có thể giữ riêng sao? Đại đế

Tông ta sở dĩ khác hẳn với các nhà khác là không thể coi ngang hàng với các thuyết đồng thời, ấy chỉ vì tam thiên hay là chỉ vì Quán cụ?

### **2. Minh Trí Pháp sư Bi Luận - Của Triều Thuyết Chi:**

Đức Thế Tôn khi nhập diệt đã truyền pháp lại cho ngài Ca-diếp truyền đến ngài Sư Tử là hai mươi bốn Tổ, truyền đến ngài Đạt-ma là Tổ thứ hai mươi tám. Vào thời Lương, Tổ Đạt-ma mới đến Đông độ. Trong Lục Độ thì ngài riêng tu về Thiên Pháp. Tuy gọi là Đốn Ngộ nhưng đâu không dùng phương tiện, đầu mới biết lập danh tự nhưng lúc đầu vẫn truyền kinh Lăng-già. Sau năm đời sáu phái vẫn còn chuộng Kinh Bát-nhã, xem Giáo chiếu sáng tâm đâu chẳng ở đây ư? Từ Tổ Ca-diếp truyền đến Tổ thứ mười ba là Long Thọ. Ngài viết ra Đại Trí Độ Luận dịch truyền sang Chấn Đán thì có ngài Bắc Tề Văn Thiên sư một khi xem đến liền ngộ ý chỉ Trung Quán rồi đem truyền lại cho ngài Nam Nhạc, Nhạc truyền lại cho Thiên Thai. Ngài Thiên Thai ngộ Pháp Hoa Tam-muội mới bắt đầu khai thác Nghĩa môn, Định có ba Chỉ, Tuệ có ba Quán thì gọi là Cụ, là Tức, là một niệm tam thiên. Tông nó là Pháp Hoa còn Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã nhiếp giữ Lục Độ, bao gồm muôn hạnh. Khai mà Hiển thì không đâu không phải là Đạo Pháp Hoa Phật Tuệ. Kịp khi truyền cho các ngài Chương An, Tấn Vân, Đông Dương, Tả Khê rồi đến ngài Kinh Khê, thì giáo của ngài Trí Giả đều được chép thành sách mà quy về một mối chánh thống. Ngài Kinh Khê truyền cho Mãn, Mãn truyền cho Tu (phải nói là Kinh Khê truyền cho Thúy, Thúy truyền cho Tu), Tu truyền cho Ngoại, Ngoại truyền cho Tú, Tú truyền cho Tủng, Tủng truyền cho Tịch, Tịch truyền cho Thông, Thông truyền cho Lễ. Đó là Tứ Minh. Lúc đó riêng Giáo này rất thịnh hành, nhưng dị đồng cũng lắm, các bậc tài trí đối nhau chưa dễ nhu phục, một lời nói ra có năm, mười thuyết đối lại như: “Không quán Chân Tâm thì chỉ là quán Âm Vọng”, đến nay vẫn được cho là đúng, thì người đời sau làm thế nào có thể làm khác được thuyết ấy ư? Ngài Trí Giả quả là bậc Đại Trí biết bao! Ý chỉ của Tam Quán đơn giản hay phức tạp đều được nói ở Kinh Viên Giác, Luận về Mười cảnh cùng phát thì thấy ở Kinh Lăng-nghiêm. Lời ngài Trí Giả trước nói ra ở đời Tùy, Kinh này sau mới được dịch ra ở đời Đường, đầu muốn không tin nào có được! (theo Oánh Công Thanh Thoại Kinh Lăng-nghiêm vốn ở Tây Vực, ngài Trí Giả nghe biết nán chết mà đợi, nhưng hạn kỳ nhập diệt bức ép nên để lời ký lại nói rằng: Kinh này vào đất Hán, ta không thấy được nhưng sẽ có Tể Quan Thân Bồ-tát dùng văn chương phiên dịch lời

Phật. Lại mấy trăm năm sau sẽ có nhục thân Tỳ-kheo dùng Giáo ta xét đoán Kinh này quy về Trung Đạo). Nói là “Người đích thân dự hội Linh sơn” phải chăng đây cũng là dấu vết của ngài? Cho nên Giáo của ngài truyền sang Nhật Bản phía Đông, trở về Tây Vực phía Tây đều không gặp ai phản kháng. Có người bảo “Giáo Ngoại Biệt Truyền” mà không biết rằng giáo pháp Vô Thượng đâu có gì ngoài? Hoặc bảo “Bất lập văn tự” nhưng không biết văn tự vốn không chân không vọng, thì lấy điều gì đó làm văn tự, cho người tìm học. Trước kia ngài Trí Giả đứng đầu, các vị truyền Giáo ngài kế tiếp là: Phó Đại sĩ đời Lương, Trù Thiên sư đời Bắc Tề; về sau các người được suy tôn tán trợ Đạo ngài là Nam Sơn Luật Sư và Chiêu, Thọ các Sư (Chiêu Quốc Sư và Thọ Thiên Sư). Người ngấm hoằng Đạo mà chứng quả là ngài Vĩnh Gia Chân Giác; Người tuy có chủ trương đường lối khác nhưng không dám không khen là Hiền Thủ Tạng Sư, hoặc có phản bác nhưng âm thầm sử dụng nghĩa Giáo môn ta là ngài Thanh Lương Quán Sư. Người lấy chỗ dị đồng chung lập thành ý riêng của mình là ngài Từ Ân Khuy Cơ. Chỉ có ngài Khuê Phong ngấm dùng Giáo Thiên Thai làm cái học thứ lớp về Tứ Thiên Bát Định, khác nào đứa trẻ con đùa bỡn các bậc kỳ đức. Khéo thay lời của Lương Kính Chi: Phật pháp lấy Thiên Thai làm kim chỉ Nam. Liễu Hậu Tuệ nói: “Cách Phật càng xa các dị thuyết tranh nhau khởi xướng, chỉ có Thiên Thai là được chân truyền.” Lại nói: “Truyền Đạo dùng nhiều lời là bệnh nặng của Thiên, nay thì rộng không, kẻ ngu phóng túng kiêu ngạo đều vu cho Thiên Tông làm loạn Giáo Thiên Thai, giả dối ngông nghênh buông thả vô độ. Tôi cho hợp với Đạo của Mã Minh, Long Thọ thì chỉ có ngài Minh Trí. Đời ngài về già dị thuyết càng đông đảo. Nhưng ngài chỉ tự mình tu tĩnh không luận việc người chỉ trị khuất phục. Lời ta nói là sáng suốt ai có nghĩ đến hãy sử dụng lời ấy. Trộm nghe ngài Viên Chiếu Thiên sư nói về Đại Đạo rằng: Ngày kia gắng đọc kinh Giáo, ba mươi năm sau quả gặp ngài Minh Trí được nghe ý chỉ “nhất gia tánh cụ”, nhìn thấy các Thiên sư chấp trước, Pháp sư văn tự ngồi xe lừa hự, không cách nào sửa lại cho đúng nữa, tất không dám không tự cố gắng.

### ***3. Nam Hồ Pháp Trí Đại sư Tượng Tán - Của Chân Ấn Cư Sĩ Sử Hạo.***

Tòa giảng Linh Sơn nghiêm nhiên ở tại Thiên Thai, sau mười ba đời lại sinh bậc kỳ tài, đem Đạo Tứ Minh diễn giảng hoằng khai, biển khơi nghe tiếng núi non sấm vang, giảng Pháp ở cung vua, Trung Sư

đến nghe, được đại pháp chỉ bằng hoàng kinh sợ. Vua ban hiệu là Pháp Trí mời ngự cung vua. Đến nay đàn hậu học đều kính ngưỡng là bậc Cao tột, lan cúc thơm tho vốn là một gốc. Than ôi, ấy là trụ đá của Pháp vũ, mơ muối trong Giáo Đảnh, xem đó là huyền ảnh, trái muôn đời vẫn không chút trần ai!

#### ***4. Vĩnh gia Tây hồ Pháp Minh Tự Số - Cửa Bằng Tâm Tiên Sinh Diệp Thích.***

Chùa này khi xưa là nơi ở của ngài Trung Pháp sư. Ngài hạnh nghiệp cao sâu, nguyện lực mạnh mẽ nói năng đều là chỗ chí Đạo. Cho nên đốt tan cỏ rậm đứng đầu suốt cả trăm năm ảnh hưởng khắp nơi trong Quận. Khi đến Sư Tử Chân lãnh chức Lương Tự. Sư Sưởng xây cất điện đường, lúc đó Viện mới xây xong. Sư Sưởng càng tinh tấn khổ hạnh. Áo giầy rách thủng ăn uống đơn sơ, nhưng học chúng đến càng đông, Sư càng ứng đáp như suối chảy. Đông dịch, Thiên Trúc rất thịnh hành, đủ cả người tài tướng Văn tướng Võ. Xưa Thiên Thai lập ra hai nghĩa Chỉ Quán. Người kế thừa mà diễn giải càng lớn rộng hơn là hai Sư Trung, Sưởng, có rất nhiều Luận thuật. Nay như học trò của người là Diệu Chân, Phổ Tế muốn tập hợp các nhà học làm Giáo Tạng nên ở tại Viện đốc suất đạo tục tu niệm Phật Tam-muội, vì muốn biểu dương công nghiệp của Sư Sưởng mà nổi nghiệp vô cùng của Sư Trung, thật chí hướng rất cao xa vậy. Phàm Phật pháp coi thân là tạm bợ mà xây chùa cất viện mãi không thôi, coi lời nói là bấu nhọt mà hoàng truyền văn tự rất nhiều. Cố nhiên là tôi không hiểu nổi. Có lần đem hỏi Sưởng, Sưởng cũng không biết vì sao như thế!

#### ***5. Bài Tựa Chỉ Quán đã được san định lại - Cửa Khải Am Ngô Khắc Kỷ:***

Lạ lùng thay, sách sáng Đạo cứu đời không cố ý mà vẫn được lưu truyền đến ngày nay. Khiến cho bậc Vương công Đại nhân biết có sách này tất không tin lời sàm tấu mà phế bỏ. Khiến cho hàng con cháu các quan viên biết có sách này mà không lập luận để bài bác. Khiến người mở cửa thiền hay đọc được sách này mà cho rằng “Giáo Ngoại Biệt Truyền” là tự lừa dối. Khiến cho kẻ tìm hiểu kinh luận đọc được sách này sẽ cho rằng phân biệt danh, tướng là tự làm khốn mình. Khiến cho kẻ cõi trong nước ngoài tàng trữ sách này dần dà sẽ mở mang thấu suốt nghĩa này, lại ai còn ham hố ngũ dục nạn to mà không sớm tìm cầu giải thoát ư? Đây đều là lời răn dạy đệ tử đại lược về cách hộ trì giáo pháp.

Tử Cống ưa biện luận mà Đạo Khổng sáng rỡ. Mạnh Tử ngất cao công sức nổi được vua Võ. Lời nói này khẳng khái, có ai dám bảo chẳng tin?

### **6. Thư Khuyên Dụ Cống Nguyên - Của Khải Am Ngô Khắc Kỷ:**

Đạo Phật truyền đến Đông Hoa đã hơn hai ngàn năm. Nhà Nho ta kể bài bác dữ dội nhất không ai bằng Hàn Dũ và Âu Dương Tu. Song đó đều là lời cạ nghị đối với Đạo Phật, chỉ vì họ cố chấp vào Giáo nghĩa của Chu Khổng mà chê bai. Cho nên càng công kích thì Đạo càng vững chắc, trọn không thể thu phục được lòng thiên hạ, không liên hệ chi đến các Thánh hiền cùng thầy trò Ông Phật cả. Vả đã nhiều lần ra vào cửa Phật mà chẳng tin. Song khảo xét chỗ đã biện minh mà kẻ gọi đó là Bí - Dâm - Tà - Độn thì cũng chẳng qua là chỉ cho cái học của Thiên Tông mật truyền mà thôi. Phàm Phật có Thiên Tông cũng như Đạo Nho ta có Lão Trang vậy. Dầu lấy cách đánh chùy dựng phát trần khoe khoang dối lừa mà nói thì cũng chỉ là mối nghi cả một đời Chánh giáo của Phật. Cũng như vì phép học phù hư của Vương Hà mà nghi ngờ Lục Kinh, Luận Ngữ Mạnh Tử và Đạo tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ. Sao có thể như thế được ư? Cách Phật càng xa các dị thuyết càng đua nhau nổi lên, chỉ có Thiên Thai Đại sư là được chính truyền. Đó là Đường Chi, Lương Kính Chi, Liễu Tử Hậu. Triều Tống ta có các Ông Triều Dĩ Đạo, Trần Oánh Trung đã tin phục mà được thâm nhập. Kẻ bề tôi này tuy không sáng suốt nhưng nghiên cứu nhiều năm tháng quán về một tánh phát huy phạm vi Pháp Giới khiến cho Lục Phàm Tứ Thánh mỗi người dẫn đến việc thiếu khuyết đức hạnh mà phải đọa lạc. Thật chưa thể nói ngay với túc hạ, chỉ mong túc hạ một ngày nào đó khảo xét sách ấy mà biết rõ về Đạo nọ. Mới biết trước đây kẻ bề tôi dùng lời thơ quê mùa gọi đó là đại đạo thì không thể riêng cùng Phật Khổng đều cứu đời, quả không phải dối mình mà dối cả thiên hạ. Song Đạo của Phật Khổng thật là Đồng hay Dị? Nếu Dị thì không thể có chỗ đồng quy, nếu Đồng thì không thể khác nhau ở việc làm. Đã nói có pháp thế và pháp xuất thế. Nếu lấy pháp thế mà nghi hoặc pháp xuất thế thì chắc chắn là không thể được, còn lấy pháp xuất thế mà bỏ ngoài pháp thế thì cũng không xong. Cho nên giáo pháp của Thiên Thai truyền lại cũng có Đế về Chân Tục Tương Tức, nếu xét về Đạo cùng việc ra làm mà không trái nhau thì cũng đáng lắm vậy. Ở đời có người chưa bước đến chân núi Thái Sơn mà vội nói việc rộng hẹp cao thấp toan lừa người chưa biết núi Thái Sơn còn chẳng được thay hướng là người đã thấy ư? Nay túc hạ chưa đọc

sách Phật mà vội luận bàn về Đạo Phật. Lạ lùng thay lời khuyên nhắc nhiều lần mà xa quá tôi chẳng nghe được gì!

### **7. Thủy Chung Tâm Yếu - Của Kinh Khê Đại sư Trạng Nhiên:**

(Vĩnh Gia Sa-môn Tùng Nghĩa chú thích)

(Ở Nhân nên gọi là thủy, ở Quả nên gọi là chung. Nhân Quả tuy khác nhưng Đế đức không khác. Ý chỉ Viên dung Đại thừa quy về đây, do đó ngài Kinh Khê lập làm tâm yếu).

Phàm Tam đế là tánh đức thiên nhiên (câu trên là nêu ý chỉ, câu dưới là khen ngợi - Thiên nhiên tức bằng trời. Cũng gọi là tự nhiên. Hỏi: “Đây cùng với chỗ chấp của ngoại đạo có gì khác biệt?” Đáp: “Chỗ chấp của ngoại đạo đã bị phá ở trong Ba tạng. Sao bỗng gọi là đồng với Viên đốn Đế lý”. Lại nên biết: Nếu từ phá chấp thì phải rộng lớn tự nhiên. Phá chấp dù thế nhưng lý ắt tự nhiên, nên khi tự làm bèn trừ bỏ chấp chặt mà tùy duyên vô ngại làm nên thuyết này. Đến Văn sau thì nói các hàm sinh vốn đủ Bí tạng nhưng không hiển bày là do ba hoặc che lấp, cũng nên chuẩn theo khoa này mà chọn ra để trình bày, nêu một để tiêu biểu cho các thứ khác không nhọc công phải kể tường tận). Về Trung đế thì thống nhiếp tất cả pháp, Chân đế là dứt mất tất cả pháp, Tục đế là kiến lập ra tất cả pháp (nêu riêng để giải thích về tướng Tam đế. Trung là không lệch ở hai bên. Đế là chắc thật không hư dối. Thống là gồm chung tất cả pháp, là pháp ở hai bên. Chân là không dối vọng. Dứt mất là mất hết. Tất cả pháp là pháp tam thiên. Tục là thế tục, đời thường. Lập là tạo ra tất cả pháp là pháp trăm cõi. Nên biết đây là ước về ba Đế mà nói riêng. Nếu nói chung thì phải nói: Một trung thì tất cả đều trung, không chân không tục mà không trung, thì ba Đế chung một lý mà dứt tuyệt đối đãi. Một Chân tất cả đều chân, không trung không tục mà cũng không chân, thì ba Đế đều dứt mất cả mà vô tướng. Một Tục tất cả đều tục, không trung không chân mà không tục thì ba Đế đều lập ra mà rõ ràng vậy). Nêu một tức ba, không có trước sau, tất cả hàm sinh vốn đủ không phải do tạo tác mà có được (hai câu trên là nói về “dung tức” của ba Đế chỉ rõ không phải ngang dọc khác nhau. Còn hai câu dưới nói về Bản Cụ của ba Đế, chỉ rõ cái Diệu pháp của Vô tác. Nêu một tức ba nghĩa là nêu cái Trung đế đó không Chân không Tục. Mà đương thể là pháp dứt mất nên lại gọi là Chân đế và thường tự kiến lập, nên lại gọi là Tục đế. Một cái Trung đế tức ba như thế, thì hai thứ Chân và Tục đế tức ba cũng vậy. Căn cứ theo lời các Tổ nói thì cũng nên nhắc lại rằng: Tức ba mà một thì có thể lìa xa nhau, tức một mà ba

thì có thể trộn vào nhau. Không phải ba không phải một thì ba và một rõ ràng. Gặp nhau thì càng phân chia, chia ra thì luôn hợp lại. Ngang lại là cao, dọc lại là rộng, các ví dụ rất rõ ràng, thật nên nghiên cứu kỹ lưỡng, chớ nên thấy tướng ba, một tức nhau bèn không cho Tục đế là Thế pháp, Chân đế là dứt mất, Trung đế là thống tuyệt lời tục mênh mang, há có thể vu không được ư?). Than ôi, Bí tạng không lộ rõ bởi do ba hoặc đã che lấp (ba Đế vi diệu chúng sinh không hiểu nên gọi là Bí. Pháp Giới bao la dùng không hết nên nói là Tạng. Tánh tuy vi diệu, nhưng vẫn đục mà thành Bản hữu, ví như trời trong có mây bụi nay đều đã trong sáng. Lời văn dưới là riêng nói việc này). Cho nên Vô minh che mờ pháp tánh, trần sa ngăn chướng hóa đạo, kiến tư cản trở không tịch (Vô minh là không hiểu pháp giới, không hiểu gì hết. Trần sa là ví cho sự ngu mê quá nhiều. Kiến tư là đặt tên theo sự hiểu biết. Nên biết ba hoặc đều là tánh cụ đồng thể với cái bị ngăn che nên khó biết rõ. Các tiếng che mờ, ngăn chướng, cản trở là khác lời văn mà thôi). Song ba hoặc này thể nó là hư vọng (kết luận cho rằng hoặc chướng đều không chân thực. Ở đây nó ví như không hoa vậy). Do đó đấng Đại Giác Từ Tôn bùi ngùi than rằng (Đại Giác tức bậc Diệu Giác, bùi ngùi tức lời than) trong cõi Chân Như tuyệt không có giả danh Chúng sinh và Phật, trong Tuệ bình đẳng không có hình tướng mình và người (chỉ chung ba Đế là Chân Như và Bình Đẳng Tuệ dứt lìa Danh Tướng) chỉ vì chúng sinh vọng tưởng không thể tự chứng mà không thể trở lại được. Do đó mà lập ra ba Quán để phá ba Hoặc, mà chứng đắc ba Trí và thành tựu ba Đức (chúng sinh vì mê nên chưa thể phục hồi Bản tánh. Thế nên cần nói rõ về Hoặc, Quán...). Toàn tánh khởi tu thì tánh không dời đổi, toàn tu ở tánh thì tu luôn rõ ràng. Một tác gia lập ra ba Đế lời văn ghi trong hai Kinh Anh Lạc và Nhân Vương. Ba quán thì rút trong Kinh Anh Lạc quyển hạ. Còn Ba hoặc là căn cứ vào Đại Phẩm Đại Luận mà trích ra. Ba trí thì có đầy đủ trong phẩm Tam Trí của Đại Phẩm. Về Tam đức thì thấy đủ trong Kinh Đại Niết-bàn. Không quán là phá Kiến tư hoặc, chứng Nhất thiết trí, thành Đức Bát-nhã. Giả quán là phá Trần sa hoặc, chứng Đạo chủng trí thành Đức Giải thoát. Trung quán là phá Vô minh hoặc, chứng Nhất thiết chủng trí thành Đức Pháp thân (một niệm Vô Tướng thì gọi là Không, không một pháp nào không đầy đủ nên gọi là Giả, không một không khác nên gọi là Trung. Biết tất cả pháp là một tướng vắng lặng nên gọi là Nhất thiết trí. Biết các thứ sai khác của Thập pháp giới nên gọi là Đạo chủng trí. Biết ở hai bên không phải là Trung đạo nên gọi là Nhất thiết chủng trí. Chiếu sáng là Bát-nhã. Cởi mở các

trói buộc gọi là Giải thoát, Thanh tịnh thì gọi là Pháp thân. Đều đầy đủ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên gọi là Đức) Song Ba hoặc, Ba quán, Ba trí, Ba đức này không phải mỗi thứ đều riêng biệt, không phải dị thời, vì là lý thiên nhiên đầy đủ các pháp vậy (Văn trên trình bày riêng e cho là có dọc có ngang, nên ở đây phải nói “dung tức” để chỉ rõ là không riêng khác. Thế nên cần biết rằng: Ba hoặc trong một niệm mà phá, Ba quán trong một tâm mà tu, Ba trí trong một niệm mà chứng, Ba đức trong một tâm mà thành. Hoặc và Quán nhất như, Trí và Đức không khác. Nếu không phải Tánh cụ sao khỏi khác biệt. Giáo quán của Sơn môn ta khác hẳn với các nhà khác, vượt hơn các thuyết, chính là điều này vậy). Song ba Đế này Tánh nó tự như thế (khen lại lần nữa là Ba đế này không ai tạo ra), mê thì Ba đế này chuyển thành Ba hoặc. Phá hoặc phải nhờ Ba quán, quán thành thì chứng Ba trí, Trí thành thì thành tựu Ba đức (tự mình mê ngộ lần lượt làm nguyên do. Lời văn nói: Năm, ba chỉ là một, ba, không trước không sau, Nhân Quả lý đồng). Từ Nhân đến Quả không cần tiệm tu (hạnh của Tánh đức khác với thứ lớp). Nói là thứ lớp lý không phải thứ lớp (nói không phải Đốn Hiển nên có trước sau. Nếu luận về lý ấy thì nó ở từng sát na. Lý ấy là gì? Tức tam thiên Tam đế). Đại cương như thế, nên tìm ở cương mục (Đế đức lớn sâu nên gọi là Đại cương. Các pháp rộng nhiều nên gọi là cương mục. Hoa Nghiêm gọi đó là Pháp giới, Phương Đẳng gọi là Thật tướng, Bát-nhã gọi là Phật mẫu, Pháp Hoa gọi là Kế châu, Niết-bàn gọi là Phật sư. Tam đế chỉ là một pháp mà Phật nói có nhiều tên. Ngài Long Mãnh ngộ nó mà viết Luận, ngài Trí Giả được nó mà khai thác. Ngài Kinh Khê truyền nó mà làm tâm yếu. Ấy là chỗ truyền nhau của mười phương Đại Giác và các Tổ, không thứ nào không quy về Đế đức Bí tạng. Đời Tượng Mạt nhiều biếng lười, tín tâm mỏng ít. Như pháp môn này không tôn trọng ở gốc mà lại riêng cầu thuật tâm yếu, thật do đời gần đây người tu tập Đại thừa quá lộn xộn hà lạm vậy).

#### **8. Tứ Thập Nhị Chương Kinh Sơ Tụ - Của Cô Sơn Pháp sư Trí Viên:**

Xưa họ Năng Nhân là vua thiên hạ, tượng cái hình tượng không hình tượng, nói lời không lời để phục hồi Bản tánh của quần sinh do đó mà có Phật pháp. Giáo pháp có cao thấp, nhằm vào căn lợi độn, thế nên có Đốn có Tiệm. Sau đó trộn lại làm một nên gọi là Khai Hiển thật ngay ngộ lộn xộn, dẫn dắt dạy dỗ để họ phục hồi lại Bản tánh thật hành bằng đại phương tiện giữ an họ bằng Bí tạng, thật khó nói hết được.



Đến đời Hậu Hán, Đạo Phật được truyền đến Đông độ. Bấy giờ vua kính ngưỡng sự oai linh của ngài mà khép nép vâng lời dạy bảo bèn cùng thuyết của Trọng Ni Bá Ni lập nên ba Đạo. Nguyên giáo nghĩa của Trọng Ni là nêu cao Đạo của ba vua Đường Ngu, tôn trọng nhân nghĩa khiến phục hồi nghiệp Vương Đế. Chủ trương của Bá Dương là trình bày Đạo ba vua giản dị mà dứt Thánh bỏ Trí, khiến trở lại đời vua thuở hoang sơ còn viết chữ bằng cách thắt nút. Về hai cách sống này nói về tánh mạng thì chưa rõ ràng là Duy tâm, nói về báo ứng thì chưa suốt ba đời. Song đối với việc trị thiên hạ an quốc gia thì dù một ngày cũng không thể thiếu được. Thật đẹp thay! Nếu lấy giáo nghĩa đó để đem dạy người trong nước rất là sáng suốt. Còn chủ thuyết của Đạo Phật là chỉ cho hư không và thế giới đều do tâm mình thì không chỉ nói Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Huyền Tẩn là gốc của trời đất mà thôi. Xét về thiện ác báo ứng thì cho tất cả là do nghiệp của ta không chỉ nói Thượng đế có vô thường lười trời lồng lộng mà thôi. Có người thấy sự nhận thức của Bá Dương, Trọng Ni thì cho đó là rộng lớn đầy đủ. Đến như giúp thần minh nghiên cứu chỗ chế lý, thì cũng chỉ tóm tắt sơ lược cái chỉ thú ấy mà thôi. Còn như thông suốt điều kỳ diệu phải chăng chỉ có lời dạy của Đức Phật. Nó có thể dùng để giáo hóa người ở nước ngoài lại càng sáng tỏ. Đạo trong nước thì rõ là trị thân mà còn sơ lược trị tâm nên bảo là ngoại giáo. Còn Đạo nước ngoài thì rất khéo trị thân mà cốt lại trị tâm, nên gọi là nội giáo. Xưa, Nguyễn Hiếu Chữ chính vì dùng tên nội ngoại nên không phải đối lờ. Người đời có kẻ gọi ba thứ đó đều đồng chung nhau, hoặc cơ hồ như mất hoặc gọi là ba thứ khác nhiều, cũng chưa là được. Là vì sao? Vì phục hồi toàn tánh có cạn sâu, lời nói và việc làm có xa gần thì không thể khác được. Đến như đời Thiệu mà xa tội ác, thấy tàn bạo mà bỏ giết hại thì không thể giống nhau được. (Đây chỉ là lời văn tóm tắt, trong Trình Giác Hoàn Nguyên Ký có giải thích kỹ).

### **9. Thư gửi cho Lạc Ngự Sử (tên Yển) - của Cô Sơn Pháp sư**

Phật pháp không xưa lắm vì mới truyền sang Đông độ này từ đời Hán. Thế nó thanh tịnh, dụng nó chuộng nhân từ dung thứ. Do đó mà có bảy sáu nhà, mười chín phái làm lợi ích cho cả trên dưới, cứu cái tệ hại của Khổng Lão, thì cũng nhiều lắm vậy. Phàm nhà Tần đốt hết Lục Kinh, nhà Hán mưu đồ bá chủ mà sinh thói kiêu mạn bạc bẽo, sự tranh đoạt càng mạnh, nhường nhịn lễ nghĩa càng suy vi, thì Nhân nghĩa của Trọng Ni, đạo đức của Bá Dương cơ hồ dứt mất. Phải nhờ giáo nghĩa Phật pháp dạy dỗ, Phật pháp dùng việc báo ứng ba đời mà chế phục.

Lại nói Nhất Tâm không tịch để tốt lý nghĩa. Người dân nghe thuyết báo ứng, dù kẻ tham tàn bỉ lậu cũng rộng lòng cứu giúp kẻ nghèo đói nạn tai. Người dân nghe thuyết không tịch thì dẫu kẻ thích đâm đá cũng khéo giữ phận yếu hèn. Hay chu cấp cứu giúp thì thực hiện đạo cứu đời rộng khắp. Khéo giữ phận mình thì trở lại đời sống mộc mạc. Làm hạnh cứu đời thì lễ nhưng được chuộng. Sống mộc mạc thì hình phạt dẹp bỏ (làm lợi cho dân là Đạo của Trọng Ni và Bá Dương không bao lâu sẽ được phục hồi. Cho nên nói làm lợi cho cả trên dưới, cứu cái tệ hại cho Khổng Lão. Đến khi vua luông tuông, người tu giúp vua tất trái đạo mình). Vì đây mà mất ý chỉ thì tiết chế không làm, trái với Đạo thì Tịch mặc không giữ. Bền sống xa hoa phung phí chỉ lo việc ăn no mặc ấm khoe khoang. Những mong được nhiều là quý... thì kẻ phá đạo ấy khá nhiều. Lời nói quái dị cho là đẹp thì mê hoặc lừa dối người nghe hẳn đông. Dù noi dẫu cũ thắm đẫm thành tục khiến cho phong cách thanh tịnh nhân thứ do đó tiêu mất. Tệ nạn ăn bám đục khoét từ đây sinh ra. Đó là những kẻ ham thích và phung thờ điều bất thiện. Giáo pháp nào có tội gì mà vua và dân xưa không chịu xét nguyên do thấy môn đồ là kẻ bất hiếu trở lại giận ghét giáo pháp của bậc Thiện nhân, thường tạo luật lệ để hủy hoại Phật pháp, áp bức giết chóc Phật tử. Có khác nào vì Đơn Chu mà bắt lỗi vua Nghiêu, nhân Thương Quân mà làm tội vua Thuấn, uống thuốc quá liều lại đổ tội cho Thần Nông, chơi lửa cháy nhà mà oán người gây lửa?!

**10. Nam nhạc Chỉ Quán Hậu Tự - của Từ Vân Đại sư Tuân Thức:**

Dụng của Chỉ Quán vốn là minh tịnh. Đức của minh tịnh vốn là một tánh. Thể của tánh vốn là giác nên gọi là minh, thể của giác vốn vắng lặng nên gọi là tịnh. Minh tịnh không hai nên gọi là thể, thể không phân chia thì minh tịnh được ở yên. Thể được đầy đủ thì có minh tịnh. Nói về thể thì không phải một mà thường một, nói về đức thì chẳng hai mà luôn hai. Chỉ phân chia mà không chia, chỉ một mà không phải một đó thôi. Thể và đức không biến đổi, cương gọi là tánh của vạn pháp. Thể và đức không trụ, cương gọi là gốc của vạn pháp, vạn pháp còn gọi là gì? Là sự thể hiện của toàn thể minh tịnh. Vì sao như thế? Bởi do cái Bản giác sáng suốt từ vô thủy cương chiếu thì chiếu sinh, mà tự lầm thì gọi là mê tối. Gốc vô trụ từ vô thủy tùy duyên duyên khởi mà tự loạn nên gọi là động. Vì mê tối loạn động mà khiến vạn pháp sinh ra. Ấn vào mắt thì thấy hoa đốm há phải là vật khác. Cho nên nói bất biến

tùy duyên thì gọi đó là Tâm, còn tùy duyên bất biến thì gọi đó là Tánh. Tâm thì hôn tối loạn động, Tánh thì minh tịnh. Nếu biết từ vô thủy ngay nơi minh mà bị hôn tối cho nên có thể hiểu nay ngay nơi động mà là tịnh. Do đó Thánh nhân thấy hôn tối loạn động có thể thì ngay khi ấy cái minh tinh có thể phục hồi. Cho nên nhân tịnh mà dạy về Chỉ để ngăn dứt sự loạn động, nhân minh mà dạy Quán để quán chiếu cái mê tối. Khiến cho tốt cùng một niệm, tức động mà tịnh, tức hôn mà minh. Hôn mê loạn động đã dứt rồi thì vạn pháp tự mất chỉ còn lại cái thể minh tịnh vậy. Ấy là Viên Đốn, ấy là Vô Tác, là Hạnh Như Lai, là chiếu Tánh thành Tu, Tu thành thì bỏ Dụng. Ai còn luận đến Chỉ Quán làm chi. Bởi khi thể hiển thì tánh mất, cũng không còn minh tịnh, rộng suốt không còn gì, không biết gọi là chi, vì muốn nêu vật để chỉ chỗ về. “Chỉ” thành thì gọi đó là Giải thoát, “Quán” thành thì gọi đó là Bát-nhã, thể hiển bày thì gọi đó là Pháp thân. Là ba tức một, là một tức ba, như ba điểm của chữ “Y”, như ba mắt của trời. Không phải là ngang hay dọc, không phải là một hay khác. Đó gọi là hai đức không thể nghĩ bàn. Đó là Đại Bát-niết bàn vậy. Than ôi, pháp này từ khi Đức Phật ở Hạc Lâm mất trao Đạo sáng cho ngài Đại Ca-diếp, Ca-diếp trao lại cho A-nan, từ A-nan trở đi đèn sáng nối nhau đến Tổ thứ mười một là Mã Minh, Mã Minh trao lại cho Long Thọ. Thọ đem pháp này diễn bày trong Trung Quán Luận. Khi Luận này truyền sang Đông Hạ thì riêng vùng sông Hoài có ngài Tuệ Văn Thiên sư hiểu rõ, rồi trao lại cho Nam Nhạc Đại sư. Ngài Nam Nhạc từ đó mà chiếu tâm liền phục hồi được tánh, được Sáu căn thanh tịnh, quả vị gần với bậc Thánh đó là hiệu nghiệm do dụng của Chỉ Quán này. Đại sư ta thương người đời sau không được nghe pháp bèn phát Đại Bi tâm nói ra mấy vạn lời tên là Đại thừa Chỉ Quán, cũng gọi là Nhất thừa, cũng gọi là Chỉ Rành Tâm Yếu phân làm hai quyển. Quyển đầu giải thích về Chỉ Quán, quyển sau chỉ việc thực hành Chỉ Quán. Hiểu và làm đều đủ cũng như mắt và chân vậy. Khiến ta an nhiên không chuyển dời mà đến được ao Thanh Lương. Ôi, văn này, năm tháng xa xôi ẩn tàng nơi hải ngoại. Khi Đạo sắp phục hưng, thì vào năm Hàm Bình thứ ba, ở tại Nhật Bản có ngài Viên Thông Đại sư Tịch Chiếu vượt thuyền sang Trung Quốc, đã lên núi Mậu bèn hiến tặng sách này. Ngài Sa-môn Tuân Thức đứng đầu ở Thiên Trúc tiếp nhận. Độ Chi Ngoại Lạng Chu Công nhanh chóng viết bài tựa đầu, ra tiền khắc bản lưu hành rộng khắp. Lớn lao thay bản văn này! Bắt đầu từ Tây Vực truyền đi, như mặt trăng mọc trở về hướng Đông, như mặt trời lên cao trong suốt tròn sáng rồi trở về nước ta. Nhân đây viết lời tựa

đại lược để làm sáng những chỗ tối tăm.

Lời răn viết trên dải áo - của Pháp Sư Từ Vân

Các con nên biết, việc làm hằng ngày của Tri Bạch ta (sư tự Tri Bạch):

Pháp nào hại thiện, luôn phải tránh xa (Chư Ác mạc tác)<sup>1</sup>,

Đạo nào phá ác, càng phải luôn dùng (Chúng thiện phụng hành),

Miệng không tự khoe, tâm không tự dối

Chớ ôm gỗ mọt (cất giữ không tốt như gỗ có mọt)

Chớ giả hình dung (giả hiện oai nghi, tăng thêm ngã mạn)

Muốn người khen chuộng, tự lo hàm dưỡng

Việc sát đầu tiên - Hãm vào hố họa (câu lời khen hư dối dính vào nghĩa chết, cất dấu tư lợi bị rơi vào đất Họa)

Tự giữ đức độ, tất có chê khác

Tự chuộng thấu suốt, tất có quấy khác (khả năng chưa đủ mà tự cang đáng nên có nhiều người chê bai). Hiểu biết chưa thông mà tự đảm trách nên người cho là nhiều lỗi).

Quyển thuộc nhóm đông, các con nên bỏ.

Lợi dưỡng buộc ràng, các con nên sợ (gần gũi quyển thuộc tất có nhiều buồn phiền phải dùng một thuật bảo toàn thân lánh xa độc hại. Lợi do cúng dường gây nhiều ham hố như dây lông trói mình lôi xuống nước càng gấp).

Các việc ra làm, chọn lựa xét kỹ.

Các thứ trừng ác, pháp nào phải theo (các việc ra làm đều phải chọn xét kỹ vì sợ rơi vào Nhị Thừa. Đã biết việc trừng ác vậy phải dùng pháp nào để về với Đại thừa. Lập lời hỏi này sẽ thấy rõ ở văn sau).

Hương thêm một nén, sen hồng vài cành.

Miệng đừng đọc sai, ý chớ nghĩ khác (luôn đọc kinh Tịnh Độ chỉ giữ một cảnh Tịnh Độ)

Tọa Thiền lễ tượng, chớ nên thiếu sót (chuyên tu Quán Phật Tam-muội, chuyên lễ Phật A-di-đà).

Lường cơm kiệm áo, chí ấy không dời

Viết sách cho đời, đúng lời Phật dạy

Nói lỗi phải quấy, cẩn thận đúng pháp

Đối ứng khách bạn, chớ nên nhiều lời

Tiệc từng phút giây, ngồi không luống uổng (giành từng tấc bóng)

Thân chuối hư huyền, đâu có lâu gì? (Thân thật nguy cấp)

*1 Nguyên văn có hai câu bốn chữ, nhưng phải dịch thành ba câu bốn chữ như trên mới đủ ý (hoặc: Con biết Tri Bạch, Việc làm hằng ngày*

Liên hoa Tịnh độ, là nơi con về (do công sức lễ niệm thiền tụng trước đây liền được vãng sinh về cõi An Lạc)

Lấy đêm làm ngày, tu hành siêng năng! (Tâm tâm không gián đoạn, niệm niệm cầu vãng sinh. Đó gọi là chớ ham ngủ nghỉ uống phí một đời).

Quán Tâm Thập Pháp Giới đồ  
 Như người muốn biết rõ tất cả Phật ba đời  
 Nên quán tánh Pháp giới, tất cả do tâm tạo.

Về phép tu Quán gồm có Tòng hành, Phó pháp và Thác sự chỉ ba thứ này mà thôi. Nay Quán tâm đồ thì Tòng hành là quy tắc chính thức. Phàm về Chỉ Quán thì dùng hai mươi lăm pháp làm phương tiện và Mười thừa, Mười cảnh làm Chánh tu, chắc chắn là những thứ này không thể đầy đủ được, nhưng nếu hằng ngày đem những đức tốt lỗi xấu lên xuống trong mười cõi để quán sát rõ ràng tâm ta dù tư hào không bỏ sót, ấy là cốt yếu của việc cải Ác tu Thiện vậy. Ngài Từ Vân Pháp sư chỉ ta dùng Quán tâm đồ để tìm xét tâm ưa thích vị pháp mãi không quên. Tôi đem bản văn này đặt bên các tòa giảng để tự cảnh giác mình, nhưng thấy chưa giúp ích gì cho mọi người nhiều, bèn cho thợ khắc bản in ra lưu hành rộng khắp ngõ hầu phần nào nối chí cả của Đại sư.

Triều Tống, ngày rằm tháng chín năm Thiên Thánh thứ nhất.

Thái Nguyên Vương Khâm Nhược làm lời tựa.

Rộng không bờ bến, cao không gì trùm, dài không thể tìm, sắp đầy thì trống rỗng, sắp tối thì lại sáng, tuy hai bên mà ở giữa, vi diệu tuyệt vời không thể nghĩ nghĩ được, đó chính là Tâm. Ngài Thiên Thai nghe Phật nói tâm này ở hội Linh Sơn mà chứng được Tam-muội. Biết nó vắng lặng không thể dùng số đếm mà tìm được, mà gượng lấy số để đếm thì nó không tính đếm được. Căn cứ theo Pháp Hoa mà lập ra Thập giới Bách giới, Tam thiên quyền thật... để nói về các Tánh thì không phải hợp, không phải tan, tự nhiên nhi nhiên nên gọi đó là thật tướng các pháp để giúp người dễ hiểu. Sau đó mới chỉ rõ rằng một niệm không thì tam thiên đều không, một niệm giả thì tam thiên đều giả, một niệm trung thì tam thiên đều trung. Thành trọn Ba quán, Quán trọn Ba để để nói về các pháp tu. Đó là Đại trí, là Đại hạnh. Không đi mà đến nhanh nên gọi là “xe trâu trắng lớn khiến người đón nhập”. Cho nên được thì từ nhân đến quả không dời một niệm, ngôi tòa Bồ-đề thành Chánh giác, hàng ma thuyết pháp, độ chúng sinh, nhập Niết-bàn... mà làm xong

tất cả mọi việc. Ngài dùng kệ của ngài Long Thọ về Nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung hợp lại mà làm đồng nhau. Thập pháp giới là gì? Thập là thống nhiếp các pháp, Ba đế là giới. Vì sao? Vì Phật dùng Trung làm pháp giới. Bồ-tát thì dùng Tục làm pháp giới, Duyên giác, Thanh văn thì cùng lấy không làm pháp giới, địa ngục, quỷ súc, tu-la, người trời thì cùng lấy pháp Nhân duyên sinh làm pháp giới. Không Giả Trung tuy ba mà một, Thập giới cũng một mà mười. Cho nên khiến hợp nhau làm một mà lại đủ cả chín. Như chuỗi ngọc Đế Thích chiếu nhau thành trăm pháp giới vậy. Một nhân duyên thì tất cả đều nhân duyên, một không thì tất cả không, một giả thì tất cả giả, một trung thì tất cả trung, đều do đây cả. Tam thiên lại là sao? Là pháp thành cõi giới vậy. Có mười thứ, tức là tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, bản mặt cứu cánh... như thế. Đây là nói chung. Mười pháp ở Phật là trung, là thật, là thường, là Ba trí, là Năm nhãn, là Mười lực, là Vô úy, là Bất cộng pháp; ở Bồ-tát là giả, là quyền, là vĩnh, là thường, là vạn hạnh, là Bốn nhiếp; ở hàng Nhị thừa là không, là quyền, là Ba thoát, là Bốn không, là vô lậu, là Niết-bàn; ở phàm phu là điên đảo, là hoặc, là lậu, là cái, là triền, là tập nã, là sinh tử... Đây là nói riêng. Gồm cả bách giới kia thành thiên pháp. Lại phân rộng bách giới đó làm hai thế gian mà thành pháp tam thiên. Bách giới và tam thiên là một, phàm cùng một niệm không có trước sau, không phải hợp nhau. Gồm chung mà có tông, hội lại mà có nguyên, tất phải quy về Ba đế bất tư nghì, ba Pháp vô lượng, Ba đức mật tạng. Ôi, một niệm tâm pháp đã như thế, dẫn các thứ khác đều đồng, bao nhiêu pháp Phật bao nhiêu pháp chúng sinh... đều như thế cả. Kinh nói: “Như tâm và Phật cũng vậy, Phật và chúng sinh cũng thế, tâm, Phật và chúng sinh, là ba thứ không khác.” Đây cũng bảo như thế. Đã biết như thế rồi thì phải quán hằng ngày, phàm khởi một niệm, tất thuộc một cõi giới, tức chiếu giới này, là chín là Phật. Nếu chín thì tùy tình mà riêng khởi gọi đó là Vô minh. Còn Phật thì xứng lý viên quán, gọi đó là Đại tuệ. Chín giới đều niệm (đều tục) thì không phải tâm của Phật giới, đó là cái nhìn phải quấy. Quấy thì quán chiếu khiến nó thành phải, phải thì giữ gìn khiến nó thành hạnh. Kinh nói: Chư Phật giải thoát phải từ tâm hạnh của chúng sinh mà tìm. Hành nơi phi đạo mà thấu suốt Phật đạo, là nói đây vậy. Vậy thì mắt ở trên mặt mà xem lại chính sắc diện mình. Tâm thật ở bên trong, cần mượn duyên mà huân tập phân biệt. Thần linh thâm kín, chiếu đó không dễ thức tướng lằng xằng, kiểm tra thật khó. Cho nên nay dẫn tâm bên ngoài, vẽ các biểu

hiện lên xuống, giữ chí ở Trung quán mà biến đổi sự phải quấy của ta. Sau đó mới đòi hỏi phải quán chiếu nội tâm Chánh đạo do đó mà được sáng rõ, gọi là Viên Đốn Quán Tâm Thập Pháp Giới ĐỒ. Đối với chữ tâm mà chia ra Mười giới. Lại dẫn Mặc Diệt Quán Thâm liên tục cũng như Liên Châu biểu hiện một Pháp giới lần lượt đủ cả chín thành Bách pháp giới nhưng lấy hình tướng khởi đầu viết thư cho tả hữu. Người xem muốn thâm nhập vào tánh xin xem rõ ở các tựa. Ai muốn thực tu nên xem các ĐỒ trạng.

### **1. Cảnh giới Phật:**

Nếu người có nhân đọc Viên Mãn Tu-đa-la và nghe các Thiện tri thức khuyên nói mà khởi lòng tin thanh tịnh. Tin rồi một niệm nghĩ nhớ tánh ba đạo tức tánh ba đức, Khổ đạo tức Pháp thân, Phiền não tức Bát-nhã, Kết tập tức Giải thoát. Pháp thân rất ráo, Bát-nhã thanh tịnh, Giải thoát tự tại. Một rất ráo thì tất cả đều rất ráo, Bát-nhã giải thoát cũng rất ráo, một thanh tịnh thì tất cả thanh tịnh. Pháp thân giải thoát cũng thanh tịnh. Một tự tại thì tất cả đều tự tại, Pháp thân Bát-nhã cũng tự tại, tức một mà ba, tức ba mà một. Không phải dọc không phải ngang cũng không phải khác và một. Pháp thân thường trú thì các thứ khác cũng thường trú. Lạc, Ngã, Tịnh cũng thế. Thế thì Thường, Lạc Bốn đức bí mật tạng biến khắp tất cả chỗ. Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Đã tin như thế rồi thì đem cảnh cột tâm, lấy tâm cột vào cảnh. Tâm cảnh niệm niệm tiếp nối mãi không gián đoạn thì tất thấy được pháp tánh tạo lập ra các thứ chưa tương ứng. Phải nương vào một thật tướng của Bốn đế vô tác mà khởi Bốn thệ nguyện lớn. Trong chỗ không thể tìm cầu mà ta cố tìm cầu. Nương vào khổ đạo trước tức khổ đế mà phát thệ nguyện rằng những ai chưa được độ khiến được độ. Nương phiền não và nghiệp, tức Tập đế mà phát thệ nguyện rằng những ai chưa dứt khiến được dứt. Nương Khổ đạo tức Pháp thân, tức là Diệt đế thì phát thệ nguyện rằng những ai chưa Niết-bàn thì khiến được Niết-bàn. Nương phiền não tức Bồ-đề, tức Đạo đế thì phát thệ nguyện rằng những ai chưa an thì khiến được an. Nếu bốn hoàng nguyện ấy không nhập vào thì phải khéo an tâm, thứ lớp như thế mà tu đủ mười pháp, tất sẽ nhập vào phẩm Ngũ Lục căn và phần chứng vị thì gọi là cảnh giới Phật.

### **2. Cảnh giới Bồ-tát**

Nếu quán căn trần một niệm bị mê mà bỏ gốc. Mê thì có Mười giới Khổ Tập, ngộ thì có Bốn Thánh đạo diệt. Duyên đây mà khởi vô lượng Tứ đế, khởi vô lượng thệ nguyện. Người chưa được độ khiến được độ, người chưa dứt thì khiến được dứt, người chưa an thì khiến được an,

người chưa Niết-bàn thì khiến được Niết-bàn. Khéo léo độ sinh, dùng con mắt thương yêu nhìn thấy mọi vật, các phước nghiệp tạo ra đều cùng chung với chúng sinh. Như thế mà khởi một niệm nên gọi là cảnh giới Bồ-tát.

### **3. Cảnh giới Duyên Giác**

Nếu căn trần khởi niệm thì hiểu rõ nó từ Vô minh sinh ra. Do đó sinh nên có Hành, Hành chiêu với Danh sắc cho đến Lão Tử, ba đời tiếp nối nhau như múa vòng lửa. Nhân duyên vốn không, huyễn hóa không thật. Cầu tìm Tuệ Lạc tự nhiên riêng khó vắng lặng, quán chiếu nhiều về không tâm, vui trụ vào Tịnh định. Tuy chứng được đạo quả nhưng không thích hóa độ người. Lại có người quán các vật xinh tươi rồi héo rụng, ngộ đời vô thường, nghe không mà đắc đạo nên gọi là Độc Giác. Hành giả như thế thì gọi là cảnh giới Duyên giác.

### **4. Cảnh giới Thanh văn**

Nếu căn trần do nhân duyên mà tùy đó có một niệm. Nướng vào sắc tâm nên có Khổ, do phiền não nên có Tập. Chán Khổ đoạn Tập không biết phải đối trị như thế nào. Bền nướng vào Tứ đế mà tu Mười sáu quán, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo như cứu lửa cháy đầu. Do Bốn thiện căn mà được nhập vào Bốn quả Sa-môn vô lậu, chứng hai thứ Niết-bàn. Vì hiểu lệch chân lý nên không được Phật pháp, không thích độ người. Như chú nai chỉ biết phóng chạy một mình về trước không đoái hoài gì đến cả bầy chạy theo sau. Một niệm như thế gọi là Thanh Văn Pháp giới.

### **5. Cảnh giới Trời**

Nếu người luôn khởi niệm ham thích cảnh vui thiên giới nên dốc chí làm việc thiện mong được quả báo đời sau, trai giới thuần tịnh cúng dường trai phạm Sa-môn, xây dựng chùa tháp và hình tượng Phật, sao chép kinh sách Đại thừa, cứu giúp kẻ nghèo bệnh. Với pháp Thập Thiện Chỉ và Tác đều tu đầy đủ tự nhiên thành tánh. Hoặc cấm giữ sáu căn khiến sáu thức không buông lung, sáu trần không xâm nhập, được các Thiền Định ở Dục, Sắc và Vô Sắc Giới. Thân tâm vắng lặng ba nghiệp đều lương. Một niệm như thế gọi là Cảnh giới Trời.

### **6. Cảnh giới Người**

Nếu người luôn luôn nghĩ nhớ lấy Ngũ thường để lập đức, Ngũ giới tu thân, trung với nước, hiếu với nhà, khiêm tốn trung chánh, ca tụng đức người, nhận lỗi về mình, kính trên nhường dưới, cứu giúp kẻ cô bản, luôn biết hổ thẹn, tánh luôn từ hòa, tin sâu nhân quả, sùng kính Tam bảo, chuyên tu trai giới, xây dựng chùa tháp, chỉ ham vui sướng ở



cõi Người không mong ra khỏi, tham tiếc thân mình yêu thương quyến thuộc. Một niệm như thế gọi là Cảnh giới Người.

### **7. Cảnh giới A-tu-la**

Nếu người niệm niệm tuy thích tu thiện, bố thí trai giới nhưng luôn hiềm nghi. Khi tu phước nghiệp thường muốn hơn người. Thấy người tu thiện thì thường ghen ghét, cống cao ngã mạn trọng mình khinh người, muốn người khác quy phục mình, không hề khiêm tốn, như loài chim cất bay lên cao mà nhìn xuống. Bên ngoài giả bày nhân nghĩa mà trong không có thật đức. Trước mọi người luôn khoe tốt về mình, không theo chánh lý, không thẹn với bậc hiền tài. Người có tâm như thế là Cảnh giới A-tu-la.

### **8. Cảnh giới Ngạ quỷ**

Như người luôn luôn không biết hổ thẹn, ham hố mãi không hề biết đủ, hẹp hòi keo kiệt, mảy may không bố thí tước đoạt của người bòn rút về mình. Thấy người bố thí tìm cách cản ngăn, thấy người được lợi tâm sinh phiền não, tánh ưa siểm nịnh, luôn khởi tà kiến. Trước người thì giả bộ đàng hoàng, chỗ vắng người mặc tình buông lung, phá trai phạm giới, ham ăn háo uống, không tin lợi phước nhân quả, không tin Tam bảo, không biết hiếu đễ, đó gọi là Cảnh giới Ngạ quỷ.

### **9. Cảnh giới Súc sinh**

Nếu người niệm niệm đắm mê ngũ dục, ham có nhiều bà con, càng ngày càng thêm không hề biết chán, thủ đoạn lắt léo, xử đoán bất công trái phép cướp của người không cần theo lễ nghĩa, chỉ mưu đồ tư lợi, không thương kẻ cô bần. Nếu giữ tài sản người khác thì luôn ngang bướng xâm phạm, mua bán đổi chác đều ngang nhiên cướp đoạt, không biết trung hiếu, không kể hiền ngu, không tin nhân quả, không kính Tam bảo. Nhân nhân trôn tráo không biết xấu hổ giống như loài súc sinh, thì gọi là Cảnh giới Súc Sinh.

### **10. Cảnh giới Địa ngục**

Nếu người luôn gần gũi bọn tà ác và tánh luôn làm ác, khởi tâm tăng thượng, niệm niệm nối nhau tạo mười điều ác cực nặng là giết, trộm, dâm, vọng, nói thêu dệt, hai lưỡi, mắng chửi, tham sân, tà kiến và tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng cấm, làm như người phạm hạnh, mua bán rượu, say sưa phá phách, không nghĩ đến ân đức của vua chúa ông cha sư trưởng, ngang ngược luôn giận hờn, hiếp đáp kẻ hiền tài, kết bè với đám vô lại, đập phá chùa tháp, đốt bỏ kinh tượng, hủy báng Đại thừa, đoạn học Bát-nhã, làm dứt mất giống trí tuệ, bác bỏ không có chư Phật, phá giới vẫn nhận cúng thí, dùng vật Tam bảo, trộm của Tăng kỳ. Khởi

các Kiến, Đoạn, Thường của ngoại đạo, phá pháp chánh Nhân Quả ba đời, học quen mười hai pháp ác luật nghi (mổ giết, làm đao phủ thủ, nuôi heo, nuôi gà, bắt cá, săn bắn, lưới bẫy chim, bắt rắn, đọc chú ếm rông, làm chúa ngục, trộm cướp, vì vua bắt giặc cướp và nuôi tằm... các việc). Như các nhóm người trên khi chết rồi bị đọa vào các đại địa ngục Đại nhiệt, Đại hàn. Đó gọi là Cảnh giới Địa ngục.

### ***13. Tông Môn Tôn Tổ Nghi - của Sa-môn Chí Bàn***

Như Lai Thánh nhân người dùng đạo khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản để giáo hóa người thiên hạ đời sau, gọi là Phật. Các đệ tử Phật tiếp nối ra truyền đạo làm Tông Chủ ở đời thì gọi là Tổ. Kỳ thật chỉ một Đạo mà thôi. Nên Đức Như Lai khi sắp nhập Niết-bàn, đem Đạo pháp vô thượng trao lại cho Ấm Quang. Ngài Ấm Quang giữ lấy suốt hai mươi năm và trao lại cho Khánh Hỷ. Ngài Khánh Hỷ giữ pháp và truyền đạo cũng hai mươi năm rồi giao truyền lại cho Thượng Na. Từ đó trở đi đến đời thứ mười ba là Tổ Long Thọ. Ngài là người đầu tiên dùng văn tự Bát-nhã đem sở chứng viết ra đạo Tam Quán gọi là Trung Quán Luận. Đến khi truyền sang Đông độ và dịch ra thì ngài Bắc Tề do ngộ xưa đã chứng đem lập Quán Pháp và trao cho ngài Nam Nhạc. Nam Nhạc kế thừa ý chỉ ấy mà ngộ Pháp Hoa tịnh Sáu căn, rồi trao lại cho Thiên Thai. Ngài Thiên Thai là người đầu tiên lập ra năm thời bày đủ tám giáo để làm sáng tỏ cái vi diệu của Pháp Hoa khai hiển để mở rộng cái ý chỉ Cảnh Quán. Lúc đó ngài Chương An ghi chép làm Sơ Luận mà Đạo ấy bèn thịnh sáng. Ngài Pháp Hoa Thiên Cung nối đời diễn giảng. Kế thừa pháp ấy chỉ có ngài Tả Khê. Còn học trò ngài Tả Khê thì riêng có ngài Kinh Khê là kế thừa chánh thống, viết ra các kỹ thuật để tán trợ việc hoằng truyền của Tổ Sư, thì ngài Thanh Lương luận khác để chấm dứt. Việc dùng văn tự để diễn rộng Đệ nhất nghĩa để không đâu hưng thịnh bằng lúc ấy. Theo các học giả thời xưa kể từ ngài Long Thọ đến ngài Kinh Khê lập làm chín Tổ để thừa tự là có nguyên do. Từ ngài Kinh Khê đến nay đem Đạo này để truyền trao thì có Hưng Đạo (Thúy Sư), Chí Hành (Tú Sư) giảng đạo không dứt. Năm Hội Xương nhiều tai ương, kinh sách tản lạc mất mát. Suốt ba đời (Ngoại - Tú - Tùng có hai vị là pháp sư) tu Định giảng hay luận giỏi chỉ truyền Luận Chỉ Quán. Đến ngài Loa Khê pháp vận sắp phục hưng (Tịch Sư) thì trời nhờ Ngô Việt (Tiền Trung Ý Vương) tìm lại được kinh sách thất lạc ở Hải Đông. Do đó mà Giáo tịch lại trở về. Ngài Bảo Vân nối nghiệp phục hưng truyền đạo suốt 24 năm mà ngài Pháp Trí ở Tứ Minh lấy danh nghĩa là

ngài La-hầu-la tái sinh mà hiện tích khắp biển khơi một bộ Gia Giáo Tỳ Lăng Sư những gì chưa ghi chép đều ghi chép. Bốn hạng người Tam- muội, cái khó làm đều làm. Đây là lời cực khen của ngài Từ Vân. Lúc bấy giờ cũng có chủ trương thuyết khác như hai Sư Chiêu và Viên, đời cho là phái Sơn Ngoại. Mà chỉ riêng ngài Pháp Trí nổi danh là người trung hưng Giáo Quán. Từ cuối đời ngài Hưng Đạo thì Tứ Minh gồm có tám đời do đó mà nổi thành dòng Thánh hiền bày Đại Giáo. Có người theo đây mà sắp thứ bậc lập làm chín Tổ để tôn vinh Đạo này. Song thời nay nói về Tông Môn của những người Giảng Đạo Thiên Thai và Tứ Minh thì có thể bắt đầu kể từ ngài Long Thọ đến ngài Pháp Trí nói chung là mười bảy Tổ đúng vị thứ. Chân thành mong thấy được lòng tôn Tổ trọng Đạo của hàng hậu học lắm thay. Cẩn nghị (kính cẩn luận đôi điều).